

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng. - Địa chỉ: Số 14 Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. - Điện thoại: 0225 3747866. - Fax: 0225 3842436 - E-mail: bqlgt@haiphong.gov.vn
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: - Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng; - Các tài liệu khác có liên quan.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có quy định khác.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Theo quy định hiện hành.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Đối với loại hợp đồng trọn gói: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Tạm ứng tối đa không quá 30% giá trị hợp đồng. Căn cứ kế hoạch vốn của dự án, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản về số lần tạm ứng, giá trị tạm ứng để Nhà thầu thực hiện thủ tục tạm ứng theo quy định của hợp đồng. Thông báo tạm ứng Hợp đồng của Chủ đầu tư là một trong các tài liệu của hợp đồng.

- Thời điểm tạm ứng: Việc tạm ứng hợp đồng được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu.

Trường hợp cần bổ sung khoản tiền tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ Thông báo điều chỉnh tạm ứng hợp đồng bằng văn bản. Thông báo điều chỉnh tạm ứng Hợp đồng của Chủ đầu tư là một trong các tài liệu của hợp đồng.

- Mức thu hồi và thời điểm thu hồi tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất thực hiện tại từng hồ sơ thanh toán trên cơ sở khối lượng và tiến độ hoàn thành của hợp đồng. Cụ thể như sau:

+ Các đợt thanh toán có lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành dưới 60% giá trị hợp đồng: Mức thu hồi tối thiểu là 30% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt hồ sơ thanh toán;

+ Các đợt thanh toán có lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành từ 60% đến 80% giá trị hợp đồng: Mức thu hồi tối thiểu là 50% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt hồ sơ thanh toán và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu hoàn thành và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

Trường hợp nhà thầu không đề nghị tạm ứng thì không áp dụng các nội dung của điều khoản nêu trên.

10.2. Thanh toán:

- Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá trị khối lượng công việc hoàn thành tương ứng với các giai đoạn thanh toán.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị của từng lần thanh toán sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng và các khoản tiền giữ lại (nếu có) theo quy định của hợp đồng đảm bảo không vượt giá trị thanh toán tối đa theo quy định, giá trị thanh toán còn lại sẽ thanh toán theo quy định của hợp đồng và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Đồng tiền thanh toán: VND.

- Số lần thanh toán: Tối đa không quá 10 lần. Trường hợp cần điều chỉnh số lần thanh toán, Nhà thầu sẽ kiến nghị để Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận. Thông báo chấp thuận của Chủ đầu tư là một trong các tài liệu của hợp đồng.

- Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ ký hồ sơ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu theo quy định.

- Tài liệu thanh toán:

Nhà thầu sẽ phải trình 07 bộ hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành được nghiệm thu cho mỗi lần đề nghị thanh toán. Hồ sơ thanh toán do Nhà thầu lập bao gồm 06 bộ gốc các tài liệu chủ yếu (tài liệu hỗ trợ) theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng về thanh toán vốn đầu tư hoặc các quy định khác thay thế (nếu có).

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

(i) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

(ii) Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

(iii) Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

10.3. Tạm giữ khi quyết toán:

Căn cứ theo khối lượng hoàn thành của nhà thầu và kế hoạch vốn được bố trí, một khoản tiền của Nhà thầu được tạm giữ lại để thực hiện thủ tục quyết toán hợp đồng sẽ được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Chủ đầu tư mở tại Kho

	<p>bạc Nhà nước một lần hoặc nhiều lần với giá trị tối đa không quá 10% khối lượng hoàn thành. Số tiền tạm giữ tại tài khoản tiền gửi của Chủ đầu tư sẽ được chuyển trả cho Nhà thầu một lần hoặc nhiều lần theo tiến độ quyết toán hợp đồng. Phần chênh lệch giảm (nếu có) sẽ được nộp lại Ngân sách nhà nước theo quy định.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày bắt đầu cho đến khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 07 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Theo quy định hiện hành.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 16.4	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ :</p> <p>(i) Nhà thầu phụ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực hành nghề, năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phụ có tất cả các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu theo quy định.</p> <p>(ii) Khi sử dụng nhà thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <p>+ Đối với các nhà thầu phụ khác chưa được đề cập trong E-HSDT: Nhà thầu phải đệ trình các tài liệu chi tiết liên quan đến năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ tương ứng với nội dung, công việc cụ thể dự kiến nhà thầu phụ sẽ thực hiện để Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận.</p>

	<p>+ Nhà thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>+ Tại nơi có thể thực hiện được, Nhà thầu cần tạo cơ hội công bằng và hợp lý cho các nhà thầu địa phương được chỉ định làm Nhà thầu phụ.</p> <p>(iii) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)</p> <p>- Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.</p> <p>- Nhà thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng.</p> <p>iv) Chủ đầu tư có quyền thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của Nhà thầu hoặc trong các trường hợp Nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chỉ định thực hiện các công việc trong hợp đồng mà Nhà thầu không thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm hoàn thành công trình theo tiến độ của hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 17</p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,5% giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p>

<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>a) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 12 [Thời gian thực hiện Hợp đồng], hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.</p> <p>b) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.</p> <p>c) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</p> <p>d) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Giải quyết tranh chấp].</p> <p>e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.</p> <p>f) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 21 [Trường hợp bất khả kháng].</p> <p>Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.</p>
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p>a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.</p> <p>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <p>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Giải quyết tranh chấp].</p>

	<p>d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 90 ngày.</p> <p>đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng, số 14 Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Điện thoại: 0225 3747866. Fax: 0225 3842436. E-mail: bqlgt@haiphong.gov.vn</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>